

Số: 28/2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2012

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng; số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Thông tư này áp dụng cho các dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình (sau đây gọi chung là dự án đầu tư) được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là ngân sách cấp xã) và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Thông tư này không áp dụng cho các dự án, công trình thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã được hướng dẫn thực hiện tại các văn bản khác của cấp thẩm quyền.

3. Đối với các dự án đầu tư thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã được đầu tư bằng các nguồn vốn khác (không thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước) khuyến khích vận dụng theo Thông tư này.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý vốn đầu tư.

1. Trước khi phê duyệt dự án đầu tư, Người quyết định đầu tư phải xác định rõ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư; chỉ được quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và đảm bảo bố trí đủ vốn để thực hiện dự án không quá 3 năm. Trường hợp dự án đầu tư có

sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách cấp trên thì trước khi phê duyệt dự án đầu tư, phải có thỏa thuận bằng văn bản về nguồn vốn của cấp hỗ trợ vốn. Nghiêm cấm việc triển khai dự án đầu tư khi chưa có nguồn vốn đảm bảo. Dự án được quyết định đầu tư mà không xác định rõ nguồn vốn, mức vốn thuộc ngân sách nhà nước, làm cho dự án thi công phải kéo dài, gây lãng phí thì người ký quyết định đầu tư phải chịu trách nhiệm về những tổn thất do việc kéo dài này gây ra.

Trường hợp đặc biệt, cấp bách (do thiên tai, hoả hoạn) cần phải khởi công ngay thì dự án đầu tư phải được Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc Thường trực Ủy ban nhân dân đối với địa phương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp xã) có ý kiến đồng ý bằng văn bản và được Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chấp thuận bằng văn bản. Dự án đầu tư thuộc trường hợp này phải có phương án dự kiến nguồn vốn đảm bảo; phải được ưu tiên bố trí vốn ngay khi có nguồn; tránh nợ đọng vốn.

2. Đối với dự án được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng, trình độ quản lý về đầu tư xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã để phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

3. Các dự án đầu tư do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đầu tư phải nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải tuân thủ trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trường hợp dự án đầu tư chưa có trong quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, thì trước khi phê duyệt, dự án đầu tư phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện về quy hoạch.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, phải đảm bảo sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

5. Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án được Chủ đầu tư thành lập hoặc tổ chức tư vấn quản lý dự án được Chủ đầu tư thuê để quản lý dự án (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư) thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể của Thông tư này.

6. Cơ quan Tài chính các cấp, cơ quan quản lý về đầu tư xây dựng công trình cấp trên theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án đầu tư. Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho các dự án đầu tư khi đã có đủ điều kiện thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể của Thông tư này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguồn vốn đầu tư.

1. Vốn ngân sách cấp xã chỉ cho các dự án đầu tư.
2. Vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước cấp trên cho các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án đầu tư cụ thể, do Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua và được đưa vào nguồn thu của ngân sách xã.
4. Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trong và ngoài nước) để đầu tư cho các dự án đầu tư do xã quản lý được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đóng góp bằng tiền: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thu và nộp vào tài khoản Tiền gửi vốn đầu tư thuộc xã quản lý của ngân sách xã mở tại Kho bạc nhà nước (nếu đóng góp bằng ngoại tệ thì ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Kho bạc Nhà nước công bố hàng tháng).

b) Trường hợp đóng góp bằng hiện vật:

- Đối với khoản đóng góp bằng vật tư, công lao động tự nguyện của nhân dân trong xã: căn cứ vào số lượng vật tư, công lao động do người dân đóng góp, giá cả vật tư, giá ngày công lao động tại địa phương (tại thời điểm đóng góp), Ủy ban nhân dân cấp xã xác định giá trị (bằng tiền Việt Nam) để thực hiện ghi thu, ghi chi theo quy định.

- Đối với khoản đóng góp bằng hiện vật của tổ chức, cá nhân khác để đầu tư cho xã: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xác định giá trị hiện vật (bằng tiền Việt Nam) để giao cho Chủ đầu tư quản lý; đồng thời thực hiện ghi thu, ghi chi theo quy định. Hội đồng xác định giá trị hiện vật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập; thành viên gồm đại diện Chính quyền, Đoàn thể trong đơn vị cấp xã và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 4. Lập kế hoạch, thông báo phân bổ kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm.

1. Lập kế hoạch vốn đầu tư:

a) Việc lập kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính (tại các Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn và Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân) và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Cụ thể: căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, Chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư, cùng với thời gian lập dự toán ngân sách xã gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Căn cứ vào dự kiến nguồn vốn đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp và trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét thông qua kế hoạch vốn đầu tư của xã (theo mẫu số 01/BC-KHĐT ban hành kèm theo Thông tư này). Kế hoạch vốn đầu tư phải đảm bảo các nội dung sau:

- Tổng số vốn đầu tư trong năm, chia theo từng dự án đầu tư và từng nguồn vốn (nguồn vốn ngân sách xã; nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ; nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong xã; nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác).

- Các kiến nghị (nếu có).

- Kế hoạch vốn đầu tư của xã sau khi được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua, được gửi đến phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện). Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư (theo mẫu số 02/BC-KHĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Thông báo phân bổ kế hoạch vốn đầu tư:

Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư năm được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua; trên cơ sở nguồn thu của ngân sách xã, nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, nguồn vốn huy động đóng góp và khối lượng thực hiện của các dự án đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phân bổ và quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư cho từng dự án, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản) để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư (theo mẫu số 03/TB-KHĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

Ủy ban nhân dân cấp xã phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm:

- Định kỳ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án đầu tư trong năm để điều chỉnh kế hoạch theo thẩm quyền, chuyển vốn từ các dự án đầu tư không có khả năng thực hiện sang các dự án đầu tư thực hiện vượt tiến độ, còn nợ khối lượng, các dự án đầu tư có khả năng hoàn thành vượt kế hoạch trong năm. Việc điều chỉnh kế hoạch phải đảm bảo cho kế hoạch của dự án đầu tư sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc Nhà nước đã thanh toán cho dự án đầu tư đó.

- Thời hạn điều chỉnh kế hoạch hàng năm kết thúc chậm nhất là ngày 25 tháng 12 năm kế hoạch.

Điều 5. Thanh toán vốn đầu tư.

1. Mở tài khoản:

a) Chủ đầu tư được mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc ngân sách cấp xã tại Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã) theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

b) Kho bạc nhà nước hướng dẫn mở tài khoản cho Chủ đầu tư.

2. Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của dự án đầu tư:

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, Chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản thanh toán) các tài liệu cơ sở của dự án đầu tư (các tài liệu này là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của Chủ đầu tư; tài liệu này chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp có sự bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

a) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt.

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư với nhà thầu.

b) Đối với dự án thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng).

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật).

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

3. Tạm ứng vốn:

Kho bạc Nhà nước thanh toán cho Chủ đầu tư để tạm ứng vốn cho nhà thầu theo hợp đồng hoặc để thực hiện các công việc cần thiết phải tạm ứng trước và phải được quy định cụ thể trong hợp đồng; việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng loại hợp đồng cụ thể như sau:

a) Mức vốn tạm ứng: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước; công văn số 16989/BTC-ĐT ngày 13/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thanh toán vốn đầu tư từ kế hoạch năm 2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn: căn cứ hồ sơ tài liệu quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Thông tư và mức vốn tạm ứng quy định ở trên; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gửi tới Kho bạc Nhà nước gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này).
- Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính).
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng Chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng; là bản sao có đóng dấu sao y bản chính của Chủ đầu tư).

c) Thu hồi vốn tạm ứng:

- Vốn tạm ứng được thu hồi qua từng lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do Chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

+ Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, Chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng.

+ Đối với các công việc khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc bồi thường, hỗ trợ.

d) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

- Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng, nếu quá thời hạn 6 tháng quy định trong hợp đồng phải thực hiện khối lượng mà nhà thầu chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà nhà thầu sử dụng sai mục đích, thì Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng Kho bạc Nhà nước thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

- Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

e) Nhà nước cấp vốn cho Chủ đầu tư để thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ đầu tư có thể thanh toán tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng thì Chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

4. Thanh toán khối lượng hoàn thành:

a) Đối với công việc được thực hiện thông qua hợp đồng: việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng; cụ thể:

- Đối với hợp đồng trọn gói: thanh toán theo tỉ lệ phần trăm (%) giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo thời gian:

+ Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân (x) với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

+ Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%): thanh toán theo tỷ lệ (%) của giá hợp đồng. Tỷ lệ (%) cho các lần thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu số tiền bằng tỷ lệ (%) giá trị công trình hoặc giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được quy định trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng kết hợp các loại giá hợp đồng: việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định ở trên đây.

- Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng: việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo các thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bổ sung công việc phát sinh thì Chủ đầu tư và nhà thầu phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng theo nguyên tắc sau đây:

+ Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh.

+ Trường hợp khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán.

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo thời gian thì khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Pháp lệnh giá có biến động bất thường hoặc khi nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở điều chỉnh đơn giá nếu được phép của cấp quyết định đầu tư và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng.

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

+ Đối với hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo tỷ lệ (%): trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn là khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng mà không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì Chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

- Hồ sơ thanh toán: khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng (hoặc hợp đồng bổ sung), Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm:

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán (theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này).

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư (theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này).

+ Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính).

b) Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

- Đối với các công việc như trường hợp tự làm, các công việc quản lý dự án do Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện,...: việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc. Hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

- Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê xác nhận khối lượng công tác bồi thường, hỗ trợ đã thực hiện (theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

5. Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức người dân trong xã tự làm:

- Đối với gói thầu có kỹ thuật đơn giản, khối lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động thủ công, mà người dân trong xã có thể tự làm được, thì Chủ đầu tư báo cáo Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư giao cho người dân trong xã tự tổ chức thi công xây dựng và tự chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật. Thực hiện hình thức này, Chủ đầu tư trực tiếp ký hợp đồng với người dân thông qua Người đại diện (là người do những người dân trong xã tham gia thi công xây dựng bầu; Người đại diện có thể là tổ, đội xây dựng cũng có thể là nhóm người có một người đứng ra chịu trách nhiệm). Khi áp dụng hình thức này phải có sự giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của hình thức này: ngoài các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Thông tư này, Chủ đầu tư bổ sung thêm văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư cho phép người dân trong xã tự làm.

- Hồ sơ tạm ứng vốn và thanh toán khối lượng hoàn thành áp dụng tương tự các quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 5 của Thông tư này.

- Gói thầu do người dân trong xã tự làm được tạm ứng tối đa bằng 50% giá trị của hợp đồng và không vượt kế hoạch vốn đầu tư bố trí trong năm cho gói thầu. Vốn tạm ứng được thu hồi từ lần thanh toán khối lượng hoàn thành đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Căn cứ hợp đồng và khối lượng xây dựng hoàn thành được nghiệm thu; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán), gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán) cho Người đại diện.

Trường hợp Người đại diện không có tài khoản: Chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán bằng tiền mặt; Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng gói thầu; Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

- Khi thanh toán cho gói thầu do người dân trong xã tự làm thì cơ quan thanh toán không thanh toán giá trị chi phí của các công việc người dân không thực hiện và phần thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình.

6. Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (bao gồm thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng), trừ các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán.

Số vốn thanh toán cho dự án đầu tư trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án đầu tư.

Số vốn thanh toán cho từng nội dung công việc, hạng mục công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án đầu tư không được vượt tổng mức đầu tư được duyệt.

7. Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán và thời hạn thanh toán:

a) Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán: trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) hợp lệ của nhà thầu; Chủ đầu tư phải hoàn thành thủ tục đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) và chuyển hồ sơ thanh toán (hoặc tạm ứng) tới Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản).

b) Thời hạn thanh toán: căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) do Chủ đầu tư gửi (theo Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 5 của Thông tư này); trong thời gian 07 ngày làm việc đối với trường hợp “kiểm soát trước, thanh toán sau” và trong 03 ngày làm việc đối với trường hợp “thanh toán trước, kiểm soát sau” (kể từ ngày nhận đủ tài liệu), căn cứ hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng); Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán (hoặc tạm ứng) vốn cho Chủ đầu tư và theo đề nghị của Chủ đầu tư thanh toán (hoặc tạm ứng) cho các nhà thầu, các đơn vị liên quan; đồng thời thu hồi vốn tạm ứng (nếu có).

8. Kho bạc Nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán như sau:

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình, Kho bạc Nhà nước không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Kho bạc Nhà nước căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán và “kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng. Căn cứ vào nguyên tắc này, Kho bạc nhà nước hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát thanh toán trong hệ thống Kho bạc nhà nước, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho Chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước.

Điều 6. Quyết toán.

1. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm:

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính (tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm và Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm) và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

2. Quyết toán dự án hoàn thành.

a) Tất cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã và các dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp trên giao Ủy ban nhân dân cấp xã làm Chủ đầu tư khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kèm theo các văn bản pháp lý liên quan theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA (cách lập biểu mẫu báo cáo quyết toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

- Khi dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; chậm nhất sau 03 tháng, Chủ đầu tư phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Chậm nhất

sau 02 tháng, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Trường hợp, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

+ Thuê tổ chức kiểm toán độc lập, kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

+ Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ thẩm tra quyết toán để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của Tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị có liên quan.

- Nội dung thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (kiểm toán) và nội dung báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (báo cáo kết quả kiểm toán) theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán và kiểm toán dự án đầu tư hoàn thành:

- Tổ chức, đơn vị thẩm tra, phê duyệt và kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, được hưởng chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, theo định mức chi phí như sau:

+ Định mức chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: được tính bằng 0,64% giá trị tổng mức đầu tư của dự án đầu tư cộng với thuế giá trị gia tăng (tối thiểu là 1.000.000 đồng). Nhà thầu kiểm toán chịu trách nhiệm về nội dung, giá trị kiểm toán của dự án do mình thực hiện.

+ Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: được tính bằng 0,38% giá trị tổng mức đầu tư của dự án đầu tư (tối thiểu là 500.000 đồng).

- Đối với dự án có tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc được điều chỉnh) lớn hơn 5 tỷ đồng thì thời gian lập, phê duyệt và định mức chi phí kiểm toán, định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Trường hợp dự án có cơ cấu vốn thiết bị chiếm từ 51% trở lên so với tổng mức đầu tư thì định mức chi phí thẩm tra và định mức chi phí kiểm toán được tính bằng 70% định mức nêu trên.

- Trường hợp dự án đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán thì định mức chi phí thẩm tra được tính bằng 50% định mức nêu trên.

đ) Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán:

Khi thực hiện thẩm tra, cơ quan chủ trì thẩm tra có văn bản đề nghị Chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo đúng tỷ lệ quy định ở trên đây; việc sử dụng chi phí này do cơ quan chủ trì thẩm tra quyết định và chịu trách nhiệm. Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:

- Chi trả thù lao các thành viên trực tiếp thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo mức khoán hoặc theo thời gian do cơ quan thẩm tra quy định.

- Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán (nếu có) theo mức khoán hoặc theo thời gian do cơ quan thẩm tra quy định.

- Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán và các khoản chi khác.

Trường hợp chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán chưa sử dụng hết trong năm thì được phép chuyển sang năm sau để thực hiện theo quy định.

e) Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán dự án đầu tư hoàn thành được tính vào chi phí khác trong giá trị quyết toán vốn đầu tư của dự án.

g) Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán (báo cáo kết quả kiểm toán) vốn đầu tư dự án hoàn thành của các tổ chức, đơn vị thẩm tra; Chủ đầu tư kiểm tra, trình Người quyết định đầu tư quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành phải được niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi cho các cơ quan, đơn vị sau:

- Chủ đầu tư.
- Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản).
- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.
- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được lập và lưu trữ theo chế độ lưu trữ hồ sơ.

Điều 7. Chi phí giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện giám sát đầu tư trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc giám sát đầu tư của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTU'MTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

Kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Phần IV Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTU'MTTQVN-TC nêu trên.

Trường hợp, những dự án đầu tư nhỏ (có giá trị dưới 500 triệu đồng), có thiết kế kỹ thuật đơn giản mà Chủ đầu tư không đủ năng lực tự giám sát thi công xây dựng công trình và không thuê được tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, thì Chủ đầu tư trình Người quyết định đầu tư giao cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình; trường hợp này, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được hưởng định mức chi phí giám sát thi công công trình xây dựng, tối đa không vượt định mức giám sát thi công công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa quy định định mức giám sát thi công công trình xây dựng thì được áp dụng định mức do Bộ Xây dựng công bố.

Điều 8. Chế độ báo cáo, kiểm tra.

1. Chế độ báo cáo:

- Định kỳ 6 tháng và một năm, Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo tình hình thực hiện khối lượng và vốn đầu tư đã thanh toán (theo mẫu số 04/BC-THKH ban hành kèm theo Thông tư này) và báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý (theo biểu mẫu số 03/THQT ban hành kèm theo Thông tư này); gửi Hội đồng nhân dân cấp xã (nếu có), Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện. Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/7, báo cáo năm gửi trước ngày 15/01 năm sau.

Nội dung báo cáo phải phân tích, đánh giá được tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả đầu tư trong kỳ, tình hình sử dụng vốn, các vấn đề tồn tại, kiến nghị các biện pháp xử lý.

- Căn cứ vào báo cáo tình hình thực hiện đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chịu trách nhiệm lập báo cáo tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và kiến nghị phương án xử lý các vấn đề tồn tại (theo mẫu số 05/BC-THKH ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Kiểm tra: định kỳ hoặc đột xuất, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trực tiếp tổ chức kiểm tra hoặc đề nghị Ban giám sát đầu tư của cộng đồng kiểm tra, giám sát, đánh giá các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý về tình hình sử dụng vốn, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư xây dựng của Nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan.

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Căn cứ quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương, thực hiện phân cấp (hoặc ủy quyền) quyết định phê duyệt dự án đầu tư cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý các dự án đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước và quy định tại Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thực hiện quản lý nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc thẩm quyền quản lý phối hợp và giúp đỡ Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của nhà nước và các quy định của Thông tư này.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện:

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các Chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm.

- Được quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước, Chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính đầu tư phát triển, bao gồm các tài liệu bố trí kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, các tài liệu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch và thực hiện vốn đầu tư theo quy định về chế độ thông tin báo cáo, các tài liệu phục vụ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

- Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp xã (khi có yêu cầu bằng văn bản).

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với những dự án đầu tư được phân cấp, theo đúng quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Tổ chức tiếp nhận, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo và quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định.

5. Chủ đầu tư:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng được giao theo quy định. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư phát triển.

- Thực hiện việc nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

- Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc Nhà nước và cơ quan Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc Nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc kiểm soát, thanh toán vốn.

- Chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoàn thành để trình Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của dự án (công trình) tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

6. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng:

- Yêu cầu Chủ đầu tư, các nhà thầu báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin làm rõ những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

- Tổng hợp ý kiến của cộng đồng, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, các báo cáo của Chủ đầu tư và các nhà thầu, đề xuất biện pháp giải quyết đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thông báo cho cộng đồng và các cơ quan có liên quan biết về quyết định của cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

7. Đối với các nhà thầu:

- Các nhà thầu có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động của mình theo đúng hợp đồng đã ký và các quy định của Pháp luật.

- Cùng với Chủ đầu tư xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết. Hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà Chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với giá trị quyết toán được phê duyệt.

8. Kho bạc Nhà nước:

- Tổ chức thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư đúng chế độ quy định của Nhà nước và quy định tại Thông tư này; xác nhận số vốn đã thanh toán, nhận xét tình hình thanh toán, quyết toán vốn đầu tư hàng năm cho từng dự án đầu tư theo quy định về quyết toán Ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn và cung cấp tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Kho bạc Nhà nước công bố hàng tháng cho Chủ đầu tư để phục vụ cho việc hạch toán các khoản thu bằng ngoại tệ.

- Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác do Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã (phần xã quản lý).

- Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư.

- Phối hợp với Chủ đầu tư thu hồi số vốn đã thanh toán cho các cho cá nhân, đơn vị vượt so với giá trị quyết toán được phê duyệt; đôn đốc, hướng dẫn, phối hợp với Chủ đầu tư giải quyết công nợ để hoàn thành việc thanh toán, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2012 và thay thế Thông tư số 75/2008/TT-BTC ngày 28/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Sỹ Danh

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Phu lục